TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ ĐỒNG HỚI** **TỈNH QUẢNG BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 33 /2021/DS-ST
Ngày: 03/ 12/ 2021
V/v: "Tranh chấp Hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐỒNG HỚI, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thanh Hoa
Các hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Ngân Hà

2. Bà Đặng Thị Thu

- Thư ký phiên toà: Ông Dương Đức Hải – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới

Trong ngày 03 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 19/2021/TLST-DS ngày 03 tháng 3 năm 2021 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 104/2021/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 8 năm 2021; Quyết định hoãn phiên toà số 89/2021/QĐST-DS ngày 20/8/2021, Thông báo về việc hoãn phiên tòa ngày 15/9/2021; Quyết định hoãn phiên toà số 144/2021/QĐST-DS ngày 08/10/2021, Quyết định hoãn phiên toà số 157/2021/QĐST-DS ngày 05/11/2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP C; địa chỉ: Số 442, đường K, phường 5, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh; Đại diện theo pháp luật: Ông Đỗ Minh T – Tổng giám đốc. Đại diện ủy quyền: Bà Vũ Thị Anh Đ –Giám đốc phòng quản lý nợ Ngân hàng TMCP C; Ủy quyền lại cho bà: Nguyễn Ngọc T – Nhân viên - Ngân hàng TMCP C chi nhánh Quảng Bình, địa chỉ: Số 257, Đ, phường L, thành phố H, tỉnh Quảng Bình; bà Nguyễn Ngọc T có mặt.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn T; Sinh năm: 1977 và bà Hoàng Thị Mỹ L; Sinh năm:1979; Địa chỉ: Ngõ 13 nhà số 8, đường T, phường P, H, tỉnh Quảng Bình. Ông Nguyễn Văn T và bà Hoàng Thị Mỹ L vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Nguyên đơn, Ngân hàng TMCP C; trong đơn khởi kiện và trong các văn bản tố tụng trình bày:

C cấp tín dụng cho ông Nguyễn Văn T và bà Hoàng Thị Mỹ L căn cứ theo: Thỏa thuận về các điều khoản và điều kiện tín dụng chung số QBI.CN.1178.070220 ngày 07/02/2020; Hợp đồng cấp tín dụng số QBI.CN.1184.070220 ngày 07/02/2020; Khế ước nhận nợ số 01 – Tài khoản 302395699 ngày 07/02/2020. Chi tiết như sau: Số tiền cho vay: 200.000.000 đồng; mục đích cho vay mua sắm trang thiết bị vật dụng sinh hoạt gia đình; phương thức cho vay từng lần; thời hạn giải ngân: 06 tháng, kể từ ngày ký Hợp đồng cấp tín dụng (ngày 07/02/2020); thời hạn cho vay: 36 tháng kể từ ngày kế tiếp ngày Bên được cấp tín dụng nhận tiền vay lần đầu; Số tiền giải ngân KUNN: 200.000.000 đồng; Phương thức giải ngân: chuyển số tiền giải ngân vào tài khoản thanh toán số 10811807 của ông Nguyễn Văn T tại C; Ngày giải ngân KUNN 07/02/2020; Thời hạn cho vay KUNN: 36 tháng, từ ngày 08/02/2020 đến ngày 07/02/2023; lãi suất cho vay trong hạn được quy định: lãi suất 9,50%/năm. Một năm được tính là 365 ngày, lãi suất được cố định trong thời hạn 03 tháng, kể từ ngày kế tiếp ngày Bên được cấp tín dụng nhận tiền vay, lãi suất được điều chỉnh 03 tháng/lần theo công thức: Lãi suất (%/ năm) = LS13 + 3,90%/năm; lãi suất quá hạn: 150% lãi trong hạn; lãi suất phạt chậm trả lãi: 10%/ năm.

C cấp thẻ tín dụng cho cho ông Nguyễn Văn T căn cứ theo: Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng ký ngày 20/02/2020 của ông Nguyễn Văn T; Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của C; Các văn bản khác của ông Nguyễn Văn T ký với C về việc sử dụng thẻ tín dụng; Cụ thể: số thẻ tín dụng: 9704 1631 0304 8654; loại thẻ: C Express (thẻ tín dụng nội địa); ngày cấp 20/02/2020; hiệu lực thẻ: tháng 02/2022; hạn mức thẻ 20.000.000 đồng; lãi suất (trong hạn, quá hạn), phí theo Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của C.

Khoản nợ nêu trên được bảo đảm bằng các biện pháp bảo đảm sau:

Thế chấp xe ô tô con nhãn hiệu KIA màu đỏ, số khung 41M6JC138245, số máy G4FGJH608459, biển kiểm soát: 73A-110.90 thuộc quyền sở hữu của ông Nguyễn Văn T và bà Hoàng Thị Mỹ L, căn cứ theo Hợp đồng cầm cố/thế chấp tài sản số QBI.BĐCN.144.070220 ngày 07/02/2020; đăng ký thế chấp tại Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại thành phố Đà Nẵng ngày 07/02/2020, số đơn đăng ký lần đầu: 1359890303.

Tài sản thế chấp được cấp Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 015502 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Quảng Bình cấp ngày 25/09/2018 cho ông Nguyễn Văn T đứng tên.

Sự kiện vi phạm và dư nợ:

Ngày 29/9/2020, C ra Thông báo thu hồi nợ trước hạn đối với toàn bộ khoản nợ chưa thanh toán của Hợp đồng cấp tín dụng số QBI.CN.1184.070220, Khế ước nhận nợ số 01 – Tài khoản 302395699 cùng ký ngày 07/02/2020 do

ông Nguyễn Văn T và bà Hoàng Thị Mỹ L vi phạm hợp đồng tín dụng về nghĩa vụ trả nợ.

Ngày 29/9/2020, C đã chuyển khoản thẻ chưa thanh toán của ông Nguyễn Văn T sang nợ quá hạn và chấm dứt sử dụng thẻ trước hạn, đồng thời ra Thông báo chuyển nợ quá hạn và thu hồi nợ trước hạn đối với toàn bộ nợ thẻ chưa thánh toán do trong quá trình sử dụng thẻ tín dụng, ông Nguyễn Văn T vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo Thông báo giao dịch hàng tháng và/hoặc có khoản vay khác tại C (như trên) bị chuyển nợ quá hạn nên thuộc trường hợp C được quyền chấm dứt sử dụng thẻ trước hạn theo quy định tại Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của C.

Do đó, Ngân hàng TMCP C khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Văn T và bà Hoàng Thị Mỹ L trả ngay cho C tổng số nợ còn thiếu tính đến ngày 06/01/2021 là **167.955.424** đồng (Bằng chữ: Một trăm sáu mươi bảy triệu, chín trăm năm mươi lăm nghìn, bốn trăm hai mươi bốn đồng), trong đó gồm vốn gốc 153.428.000 đồng, lãi trong hạn 7.959.849 đồng, lãi quá hạn 6.367.904 đồng, phạt chậm trả lãi 199.671 đồng.

Ông Nguyễn Văn T và bà Hoàng Thị Mỹ L còn phải tiếp tục trả tiền lãi, phạt chậm trả lãi phát sinh theo mức lãi suất quy định tại Hợp đồng tín dụng, Khế ước nhận nợ, Giấy đề nghị cấp thẻ và Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của C tính kể từ ngày 07/01/2021 đến ngày trả dứt nợ.

Thứ tự trả nợ như sau: vốn gốc, phạt chậm trả lãi, lãi quá hạn, lãi trong hạn.

Nếu ông Nguyễn Văn T và bà Hoàng Thị Mỹ L không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì tài sản bảo đảm được cơ quan có thẩm quyền xử lý để thu hồi nợ là xe ô tô con nhãn hiệu KIA màu đỏ, số khung 41M6JC138245, số máy G4FGJH608459, biển kiểm soát: 73A-110.90 thuộc quyền sở hữu của ông Nguyễn Văn T và bà Hoàng Thị Mỹ L.

* Ý kiến bị đơn bà Hoàng Thị Mỹ L tại bản tự khai ngày 17/3/2021 tại Tòa án: Vợ chồng chúng tôi đã nhận được thông báo thụ lý vụ án và giấy triệu tập đương sự của Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới về việc Ngân hàng TMCP C khởi kiện vợ chồng chúng tôi theo khoản vay hợp đồng tín dụng. Chúng tôi thừa nhận tạm tính đến ngày 06/01/2021 còn nợ Ngân hàng là 167.955.424 đồng. Mục đích vay tiêu dùng, trang thiết bị phục vụ gia đình. Do dịch bệnh Covid nên ảnh hưởng đến công việc nên đã ảnh hưởng đến việc trả nợ. Chúng tôi cam kết thừa nhận trong khoảng thời gian từ ba đến bốn tháng tới sẽ thu xếp trả nợ hết khoản vay trên. Để bảo đảm cho khoản vay chúng tôi đã thế chấp xe ô tô con nhãn hiệu KIA màu đỏ, số khung 41M6JC138245, số máy G4FGJH608459, biển kiểm soát: 73A-110.90 thuộc quyền sở hữu của ông Nguyễn Văn T và bà Hoàng Thị Mỹ L. Căn cứ theo Hợp đồng cầm cố, thế chấp tài sản số QBI.BĐCN.144.070220 ngày 07/02/2020; đăng ký thế chấp tại Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại thành phố Đà Nẵng ngày 07/02/2020, số đơn đăng ký lần đầu: 1359890303; Trường hợp chúng tôi không trả được khoản vay

trên thì Ngân hàng có quyền đề nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp đảm bảo trên.

Tại phiên tòa đại diện Nguyên đơn trình bày: sau khi Tòa án thụ lý và giải quyết vụ án thì phía bị đơn đã tự nguyện trả số tiền từ ngày 06/01/2021 đến ngày 03/12/2021 là 136.685.000 đồng gồm khoản vay hợp đồng tín dụng ngày 16/3/2021 bị đơn đã trả 10.000.000 đồng tiền gốc; ngày 02/6/2021 bị đơn đã trả 75.000.000 đồng tiền gốc; ngày 21/8/2021 bị đơn đã trả 10.000.000 đồng tiền gốc; ngày 08/11/2021 bị đơn đã trả 19.000.000 đồng tiền gốc; Đối với khoản thẻ: ngày 02/6/2021 bị đơn đã trả vào tổng số tiền là 22.685.000 đồng. Do đó, dư nợ khoản vay hợp đồng tín dụng hiện tại của bị đơn tính đến ngày 03/12/2021 như sau: nợ gốc: 22.108.000 đồng; lãi trong hạn: 18.205.818 đồng; lãi quá hạn: 6.191.068 đồng; phạt chậm trả: 1.620.218 đồng; Tổng cộng: 48.125.104 đồng; Khoản thẻ: 0 đồng (khách hàng đã hủy thẻ tín dụng vào ngày 02/6/2021). Nay Nguyên đơn yêu cầu phía bị đơn phải trả tổng dư nợ gốc, lãi, và các khoản phát sinh liên quan theo Hợp đồng tín dụng tạm tính đến hết ngày 03/12/2021 như sau: nợ gốc: 22.108.000 đồng; lãi trong hạn: 18.205.818 đồng; lãi quá hạn: 6.191.068 đồng; phạt chậm trả: 1.620.218 đồng; Tổng cộng: 48.125.104 đồng;

Trường hợp ông Nguyễn Văn T và bà Hoàng Thị Mỹ L không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì tài sản bảo đảm được cơ quan có thẩm quyền xử lý để thu hồi nợ là xe ô tô con nhãn hiệu KIA màu đỏ, số khung 41M6JC138245, số máy G4FGJH608459, biển kiểm soát: 73A-110.90 thuộc quyền sở hữu của ông Nguyễn Văn T và bà Hoàng Thị Mỹ L. căn cứ theo Hợp đồng cầm cố/thế chấp tài sản số QBI.BĐCN.144.070220 ngày 07/02/2020; đăng ký thế chấp tại Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại thành phố Đà Nẵng ngày 07/02/2020, số đơn đăng ký lần đầu: 1359890303.

Tài sản thế chấp được cấp Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 015502 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Quảng Bình cấp ngày 25/09/2018 cho ông Nguyễn Văn T đứng tên.

Yêu cầu tiếp tục tính lãi phát sinh trên số dư nợ gốc thực tế cho đến khi bị đơn thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ cho Nguyên đơn. Hiện tài sản bảo đảm xe ô tô con nhãn hiệu KIA màu đỏ, số khung 41M6JC138245, số máy G4FGJH608459, biển kiểm soát: 73A-110.90 thuộc quyền sở hữu của ông Nguyễn Văn T và bà Hoàng Thị Mỹ L, đang do ông Nguyễn Văn T và bà Hoàng Thị Mỹ L quản lý và sử dụng còn Ngân hàng chỉ giữ bản gốc Giấy đăng ký xe.

Bị đơn - ông Nguyễn Văn T và bà Hoàng Thị Mỹ L do không có mặt tại phiên tòa nên không có ý kiến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Theo đơn khởi kiện của Ngân hàng TMCP C yêu cầu Tòa án buộc ông Nguyễn Văn T và bà Hoàng Thị Mỹ L phải thanh toán ngay cho Ngân hàng số tiền nợ gốc và lãi theo Hợp đồng tín dụng đã ký kết giữa Ngân hàng và ông Nguyễn Văn T và bà Hoàng Thị Mỹ L. Đây là vụ án tranh chấp hợp đồng tín dụng, phát sinh giữa nguyên đơn Ngân hàng là Tổ chức tín dụng có đăng ký kinh doanh, bị đơn ông Nguyễn Văn T và bà Hoàng Thị Mỹ L không có đăng ký kinh doanh, trong hợp đồng tín dụng thể hiện ông Nguyễn Văn T và bà Hoàng Thị Mỹ L cư trú tại phường P, thành phố H, tỉnh Quảng Bình và hiện nay ông, bà vẫn đăng ký hộ khẩu thường trú theo địa chỉ trên. Căn cứ theo quy định của khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, đây là vụ án dân sự tranh chấp hợp đồng tín dụng và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình.

[1.2] Về thời hiệu khởi kiện: Theo quy định tại Điều 429 Bộ luật Dân sự 2015 thì "Thời hiệu khởi kiện … tranh chấp hợp đồng là 03 năm, kể từ ngày người có quyền yêu cầu biết hoặc phải biết quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm". Ngày 29/9/2020 ông Nguyễn Văn T và bà Hoàng Thị Mỹ L đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với Ngân hàng TMCP C theo thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số QBI.CN.1184.070220, Khế ước nhận nợ số 01 – Tài khoản 302395699 cùng ký ngày 07/02/2020. Do đó, ngày 19/02/2021 Ngân hàng khởi kiện yêu cầu thanh toán số tiền nợ thì thời hiệu khởi kiện tranh chấp hợp đồng tín dụng vẫn còn thời hiệu.

[1.3] Về sự vắng mặt của bị đơn: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành triệu tập làm việc, hòa giải nhưng bị đơn (bà L) chỉ đến Tòa án làm bản tự khai ngày 17/3/2021, sau đó cũng không đến Tòa án để làm việc theo các phiên hòa giải cũng như phiên tòa mặc dù đã được tống đạt trực tiếp, đầy đủ các văn bản tố tụng. Do đó vụ án thuộc trường hợp không thể tiến hành hòa giải được. Ngày 06/8/2021 Tòa án ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 104/2021/QĐXXST-DS, mở phiên tòa vào ngày 20/8/2021, sau đó đã tống đạt trực tiếp Quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập cho bị đơn; Nhưng Bị đơn đã được Toà án triệu tập hợp lệ mà vắng mặt không có lý do tại phiên toà lần thứ nhất nên HĐXX ra Quyết định hoãn phiên toà số 89/2021/QĐST-DS ngày 20/8/2021 và ấn định thời gian xét xử vào ngày 15/9/2021 theo đúng quy định tại Điều 227, 233, 235 BLTTDS đồng thời tống đạt trực tiếp các văn bản tố tụng nói trên cho bị đơn; do tình hình dịch bệnh Covid 19 nên Tòa án thông báo mở lại phiên tòa vào ngày 08/10/2021 nhưng bị đơn có đơn xin hoãn phiên tòa vì lý do trở ngại khách quan; phiên tòa mở lại vào ngày 05/11/2021 nhưng bị đơn có đơn xin hoãn phiên tòa vì lý do trở ngại khách quan nên HĐXX tiếp tục hoãn phiên tòa và ấn định thời gian mở lại phiên tòa xét xử vụ án vào ngày 03/12/2021 nhưng bị đơn ông Nguyễn Văn T và bà Hoàng Thị Mỹ L vẫn không có mặt tại phiên tòa lần thứ hai. HĐXX căn cứ theo quy định tại điểm b

khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn ông Nguyễn Văn T và bà Hoàng Thị Mỹ L.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng yêu cầu phía bị đơn ông Nguyễn Văn T và bà Hoàng Thị Mỹ L phải trả theo Thỏa thuận về các điều khoản và điều kiện tín dụng chung số QBI.CN.1178.070220 ngày 07/02/2020; Hợp đồng cấp tín dụng số QBI.CN.1184.070220 ngày 07/02/2020; Khế ước nhận nợ số 01 – Tài khoản 302395699 ngày 07/02/2020 đã ký kết tổng dư nợ gốc, lãi, và các khoản phát sinh liên quan theo Hợp đồng tín dụng tạm tính đến hết ngày 03/12/2021 như sau: nợ gốc: 22.108.000 đồng; lãi trong hạn: 18.205.818 đồng; lãi quá hạn: 6.191.068 đồng; phạt chậm trả: 1.620.218 đồng; Tổng cộng: 48.125.104 đồng; và số tiền lãi phát sinh theo thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng ký giữa ông Nguyễn Văn T và bà Hoàng Thị Mỹ L với Ngân hàng TMCP C cho đến ngày ông Nguyễn Văn T và bà Hoàng Thị Mỹ L trả nợ xong cho Ngân hàng TMCP C.

Hội đồng xét xử thấy: Phía Ngân hàng và bị đơn có ký kết hợp đồng tín dụng số QBI.CN.1184.070220 ngày 07/02/2020 đã tuân theo đúng quy định của pháp luật. Hợp đồng tín dụng do tổ chức hoạt động tín dụng và người có năng lực hành vi dân sự ký kết; về hình thức, nội dung tuân theo các quy định tại Điều 385, 386, 388, 398, 399, 400, 401, 465, 466 Bộ luật dân sự năm 2015 và Luật tổ chức tín dụng 2010, Hợp đồng ký kết có hiệu lực đã được hai bên thực hiện, bị đơn ông Nguyễn Văn T và bà Hoàng Thị Mỹ L đã nhận được số tiền vay vốn do phía Ngân hàng giải ngân. Xét hợp đồng tín dụng đã ký kết nêu trên đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật, nên hợp pháp, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia ký kết hợp đồng.

[2.2] Quá trình thực hiện hợp đồng bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi theo thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng đã ký kết giữa hai bên. Theo bảng kê chi tiết lịch sử khoản vay do Ngân hàng cung cấp thì trong quá trình thực hiện hợp đồng bị đơn đã thực hiện được một phần nội dung hợp đồng tín dụng nhưng đến ngày 29/9/2020 bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận trong hợp đồng ngày 07/02/2020, và tiếp theo đó bị đơn đã vi phạm nhiều kỳ trả nợ gốc và lãi như đã thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng mà hai bên ký kết. Sau khi Tòa án thụ lý và giải quyết vụ án thì phía bị đơn đã tự nguyện trả số tiền từ ngày 06/01/2021 đến ngày 03/12/2021 là 136.685.000 đồng gồm khoản vay hợp đồng tín dụng ngày 16/3/2021 bị đơn đã trả 10.000.000 đồng tiền gốc; ngày 02/6/2021 bị đơn đã trả 75.000.000 đồng tiền gốc; ngày 21/8/2021 bị đơn đã trả 10.000.000 đồng tiền gốc; ngày 08/11/2021 bị đơn đã trả 19.000.000 đồng tiền gốc; Đối với khoản thẻ: ngày 02/6/2021 bị đơn đã trả vào tổng số tiền là 22.685.000 đồng. Do đó, dư nợ khoản vay hợp đồng tín dụng hiện tại của bị đơn tính đến ngày 03/12/2021 như sau: nợ gốc: 22.108.000 đồng; lãi trong hạn: 18.205.818 đồng; lãi quá hạn: 6.191.068 đồng; phạt chậm trả: 1.620.218 đồng; Tổng cộng: 48.125.104 đồng; Khoản thẻ: 0 đồng (khách hàng đã hủy thẻ tín dụng vào ngày 02/6/2021). Nay Nguyên đơn yêu cầu phía bị đơn phải trả tổng dư nợ gốc, lãi, và

các khoản phát sinh liên quan theo Hợp đồng tín dụng tạm tính đến hết ngày 03/12/2021 như sau: nợ gốc: 22.108.000 đồng; lãi trong hạn: 18.205.818 đồng; lãi quá hạn: 6.191.068 đồng; phạt chậm trả: 1.620.218 đồng; Tổng cộng: 48.125.104 đồng theo Hợp đồng cấp tín dụng số QBI.CN.1184.070220 ngày 07/02/2020; Khế ước nhận nợ số 01 – Tài khoản 302395699 ngày 07/02/2020 đã ký kết.

Trước khi khởi kiện, Ngân hàng đã nhiều lần thông báo nợ quá hạn yêu cầu bị đơn trả nợ và tạo điều kiện cho bị đơn trả nợ nhưng bị đơn vẫn chưa thực hiện nghĩa vụ trả nợ mà còn trốn tránh việc trả nợ, bị đơn đã vi phạm Hợp đồng đã ký kết. Nay Nguyên đơn yêu cầu phía bị đơn phải trả tổng dư nợ gốc, lãi, và các khoản phát sinh liên quan theo Hợp đồng tín dụng tạm tính đến hết ngày 03/12/2021 như sau: nợ gốc: 22.108.000 đồng; lãi trong hạn: 18.205.818 đồng; lãi quá hạn: 6.191.068 đồng; phạt chậm trả: 1.620.218 đồng; Tổng cộng: 48.125.104 đồng theo Hợp đồng cấp tín dụng số QBI.CN.1184.070220 ngày 07/02/2020; Khế ước nhận nợ số 01 – Tài khoản 302395699 ngày 07/02/2020 đã ký kết.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn có mặt làm bản tự khai đã thừa nhận ký kết hợp đồng tín dụng với Ngân hàng TMCP C đúng như nội dung Ngân hàng khởi kiện. Bị đơn thừa nhận số nợ trên và mục đích vay tiền để mua trang thiết bị phục vụ trong gia đình. Do bị đơn đang làm ăn gặp khó khăn nên đề nghị Ngân hàng gia hạn để bị đơn có điều kiện trả nợ dần, hết nợ gốc lãi cho Ngân hàng. Đối với đề nghị này của bị đơn thì nguyên đơn không chấp nhận. Hội đồng xét xử thấy rằng tại phiên tòa bị đơn vắng mặt nhưng căn cứ vào hợp đồng nêu trên cùng sự thừa nhận của đương sự có đủ cơ sở buộc ông Nguyễn Văn T và bà Hoàng Thị Mỹ L có trách nhiệm phải trả số nợ gốc và lãi trên cho Ngân hàng là đúng quy định tại Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015 và số tiền lãi, lãi phạt phát sinh theo thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng ký giữa ông Nguyễn Văn T và bà Hoàng Thị Mỹ L với Ngân hàng TMCP C cho đến ngày ông T và bà L trả nợ xong cho Ngân hàng TMCP C.

[2.3] Để bảo đảm cho nghĩa vụ trả nợ, ông Nguyễn Văn T và bà Hoàng Thị Mỹ L đã thế chấp xe ô tô con nhãn hiệu KIA màu đỏ, số khung 41M6JC138245, số máy G4FGJH608459, biển kiểm soát: 73A-110.90 thuộc quyền sở hữu của ông Nguyễn Văn T và bà Hoàng Thị Mỹ L, căn cứ theo Hợp đồng cầm cố/thế chấp tài sản số QBI.BĐCN.144.070220 ngày 07/02/2020; đăng ký thế chấp tại Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại thành phố Đà Nẵng ngày 07/02/2020, số đơn đăng ký lần đầu: 1359890303 với giá trị tài sản bảo đảm 437.000.000 đồng (Bằng chữ: Bốn trăm ba mươi bảy triệu đồng chẵn).

Tài sản thế chấp được cấp Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 015502 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Quảng Bình cấp ngày 25/09/2018 cho ông Nguyễn Văn T đứng tên.

Hiện tài sản bảo đảm xe ô tô con nhãn hiệu KIA màu đỏ, số khung 41M6JC138245, số máy G4FGJH608459, biển kiểm soát: 73A-110.90 thuộc

quyền sở hữu của ông Nguyễn Văn T và bà Hoàng Thị Mỹ L đang do ông Nguyễn Văn T và bà Hoàng Thị Mỹ L quản lý và sử dụng còn Ngân hàng chỉ giữ bản gốc Giấy đăng ký xe. Bị đơn cũng thừa nhận tại bản tự khai trường hợp vợ chồng bị đơn không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ với Ngân hàng TMCP C thì Ngân hàng TMCP C có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có quyền xử lý tài sản thế chấp là chiếc ô tô nêu trên để thanh toán khoản vay của ông bà ở trên.

Xét Hợp đồng thế chấp đã ký kết giữa các bên nêu trên đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật, nên hợp pháp, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia ký kết hợp đồng. Do đó, đối với yêu cầu của Nguyên đơn về trường hợp ông Nguyễn Văn T và bà Hoàng Thị Mỹ L không thanh toán hoặc thanh toán không đúng và đầy đủ các khoản nợ nêu trên, Ngân hàng TMCP C được quyền chủ động hoặc đề nghị Cơ quan Thi hành án dân sự xử lý tài sản thế chấp nói trên để thanh toán cho nghĩa vụ của ông Nguyễn Văn T và bà Hoàng Thị Mỹ L đối với Ngân hàng TMCP C để ngân hàng thu hồi nợ là hoàn toàn có căn cứ, Hội đồng xét xử thấy đủ cơ sở để chấp nhận.

[3] Về án phí:

Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

Do yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng được chấp nhận nên bị đơn ông Nguyễn Văn T và bà Hoàng Thị Mỹ L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 48.125.104 đồng x 5% = 2.406.000 đồng để sung ngân sách nhà nước.

Nguyên đơn không phải chịu án phí sơ thẩm và được trả lại số tiền tạm ứng án phí 4.199.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2017/ 0006689 ngày 03/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng Điều 35; Điều 39, điểm g khoản 1 Điều 40; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự (2015);

- Áp dụng các Điều 116, 119, 317, 320, 323, 385, 398, 401, 466 Bộ luật dân sự (2015);

- Áp dụng các Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng (2010);

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án,

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn Ngân hàng TMCP C:

1.1 Buộc ông Nguyễn Văn T và bà Hoàng Thị Mỹ L phải trả cho Ngân hàng TMCP C tính đến hết ngày 03/12/2021 với tổng số tiền là: **48.125.104 đồng** (Bằng chữ: Bốn mươi tám triệu, một trăm hai mươi lăm nghìn, một trăm linh tư đồng), trong đó dư nợ gốc: 22.108.000 đồng; lãi trong hạn: 18.205.818 đồng; lãi quá hạn: 6.191.068 đồng; phạt chậm trả: 1.620.218 đồng theo Hợp đồng cấp tín dụng số QBI.CN.1184.070220 ngày 07/02/2020; Khế ước nhận nợ số 01 – Tài khoản 302395699 ngày 07/02/2020.

1.2 Từ ngày 04/12/2021 cho đến khi trả hết tiền gốc, hàng tháng ông Nguyễn Văn T và bà Hoàng Thị Mỹ L còn phải chịu thêm khoản lãi phát sinh từ số tiền gốc chưa trả theo mức lãi suất tại Hợp đồng cấp tín dụng số QBI.CN.1184.070220 ngày 07/02/2020; Khế ước nhận nợ số 01 – Tài khoản 302395699 ngày 07/02/2020.

1.3 Trường hợp ông Nguyễn Văn T và bà Hoàng Thị Mỹ L không thanh toán hoặc thanh toán không đúng và đầy đủ các khoản nợ nêu trên, Nguyên đơn - Ngân hàng TMCP C được quyền đề nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ theo Hợp đồng cầm cố/thế chấp tài sản số QBI.BĐCN.144.070220 ngày 07/02/2020 gồm:

Xe ô tô con nhãn hiệu KIA màu đỏ, số khung 41M6JC138245, số máy G4FGJH608459, biển kiểm soát: 73A-110.90 thuộc quyền sở hữu của ông Nguyễn Văn T và bà Hoàng Thị Mỹ L, căn cứ theo Hợp đồng cầm cố/thế chấp tài sản số QBI.BĐCN.144.0702.. ngày 07/02/2020; đăng ký thế chấp tại Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại thành phố Đà Nẵng ngày 07/02/2020, số đơn đăng ký lần đầu: 1359890303. Tài sản thế chấp được cấp Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 015502 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Quảng Bình cấp ngày 25/9/2018 mang tên ông Nguyễn Văn T.

2. Án phí:

2.1 Bị đơn - ông Nguyễn Văn T và bà Hoàng Thị Mỹ L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là **2.406.000 đồng** để sung ngân sách nhà nước.

2.2 Nguyên đơn Ngân hàng TMCP C không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP C số tiền tạm ứng án phí 4.199.000 đồng (Bằng chữ: Bốn triệu, một trăm chín mươi chín nghìn đồng chẵn) đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2017/ 0006689 ngày 03/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình.

3. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Báo cho nguyên đơn có mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 03/12/2021); bị đơn vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết tại chính quyền địa phương.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND TP. Đồng Hới;
- Chi cục THADS TP. Đồng Hới;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Nguyễn Thanh Hoa